

Kinh tế Việt Nam 2016 - 2018: nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh phục vụ doanh nghiệp*

LÝ HOÀNG MAI

Bài viết tổng quan một số quan điểm về môi trường kinh doanh; phân tích thực trạng môi trường kinh doanh của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2018 trên góc độ ban hành và thực thi chính sách phục vụ doanh nghiệp; qua đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm cải thiện môi trường kinh doanh đặt trong bối cảnh mới khi Việt Nam đã tham gia hai FTA thế hệ mới là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA).

Từ khóa: môi trường kinh doanh, doanh nghiệp, kinh tế Việt Nam, CPTPP, EVFTA.

1. Tổng quan một số quan điểm về môi trường kinh doanh

Theo cách hiểu rộng nhất, môi trường kinh doanh là tập hợp những điều kiện bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp (Nguyễn Đức Thành và cộng sự, 2009). Đây cũng là quan điểm của Jauch và Glueck (1988), theo đó có những tầng mức môi trường kinh doanh khác nhau. Tầng mức môi trường nội tại bao gồm một số yếu tố bên trong mà doanh nghiệp có thể kiểm soát được như vốn, lao động, thông tin, ý tưởng, đất đai, thiết bị và quyết định sản lượng. Tầng mức môi trường bên ngoài liên quan đến các yếu tố ngành (điều kiện chung cho tất cả các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành), quốc gia (hệ thống các yếu tố rộng và bao quát những ngành hoạt động khác nhau của nền kinh tế như ngân hàng, giáo dục, thương mại, công nghiệp ...), khu vực và thế giới (các điều kiện ảnh hưởng đến quốc gia). Đây là tầng mức môi trường mà doanh nghiệp không thể kiểm soát được mà chỉ có thể phản hồi hoặc tương tác lại. Các doanh nghiệp sẽ điều chỉnh những thành tố môi trường nội tại để nắm bắt được những cơ hội cũng như để đối mặt với những thách thức từ môi trường bên ngoài (Jauch và Glueck 1988).

Tuy nhiên, nhiều tác giả lại định nghĩa môi trường kinh doanh chỉ bao gồm những yếu tố bên ngoài doanh nghiệp. Robin Wood (2000) cho rằng, môi trường kinh doanh là một tập hợp các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội, công nghệ và được gọi là phân tích PEST (Political, Economic, Socio-cultural, Technology) hoặc STEP (Social, Technological, Political, Economic). Những yếu tố này nằm ngoài tầm kiểm soát và có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của doanh nghiệp (Robin và Wood, 2000). Mở rộng thêm khái niệm này, một số tác giả khác phân chia thành tố môi trường của môi trường kinh doanh theo các yếu tố xã hội, công nghệ, kinh tế, môi trường và chính trị hoặc văn hóa-xã hội, chính trị-pháp luật, kinh tế, điều kiện tự nhiên và công nghệ (Campbell và cộng sự, 2002).

Kennerley và Neely (2003) cho rằng, môi trường kinh doanh là tập hợp các yếu tố gồm: quản trị công, luật pháp, đạo đức và các chính sách. Những yếu tố này thiết lập nên những quy tắc, luật chơi cho các hoạt động kinh doanh và nó cũng tác động đến các hoạt động của thị trường theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực.

Lý Hoàng Mai, TS., Viện Kinh tế Việt Nam.

* Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp bộ "Kinh tế Việt Nam 2001-2020", do Viện Kinh tế Việt Nam chủ trì.

Porter (2008) cho rằng, môi trường kinh doanh của một quốc gia là kết quả tích lũy của các chính sách nhà nước ở tất cả các thang bậc địa lý khác nhau. Hambrick D.C và Lei D (1985) coi môi trường kinh doanh là một trong những nhân tố tác động đến các chiến lược cạnh tranh mà doanh nghiệp thực hiện. Ở một góc nhìn khác thì Kumar K, Rajan R, Zingales L (1999) cho rằng chất lượng của các yếu tố thể chế của môi trường kinh doanh có ảnh hưởng tích cực đến quy mô của doanh nghiệp.

Mặc dù có nhiều quan điểm khác nhau về môi trường kinh doanh, song nhìn chung khi nói đến môi trường kinh doanh là nói đến các thủ tục hành chính và quản lý các hoạt động, chi phí không chính thức, các chính sách hỗ trợ và can thiệp của Chính phủ để tạo điều kiện cho doanh nghiệp có khả năng tiếp cận các nguồn lực.

Ở bài viết này, môi trường kinh doanh được tiếp cận trên các góc độ ban hành và thực thi các chính sách của Chính phủ trong việc cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp và phát triển.

2. Thực trạng cải cách môi trường kinh doanh của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2018

Kể từ thời điểm Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhậm chức (năm 2016), Việt Nam đã có nhiều nỗ lực cải cách môi trường kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Quan điểm về việc cải thiện môi trường kinh doanh phục vụ doanh nghiệp đã được Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc trình bày trong bài phát biểu nhậm chức: “Với cương vị là người đứng đầu Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, tôi sẽ cùng tập thể Chính phủ kế thừa và phát huy những thành tựu của 30 năm đổi mới; tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi; khắc phục hạn chế, yếu kém; vượt qua khó khăn thách thức; nỗ lực xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ Nhân dân...” (Nhân dân điện tử,

2016). Những nỗ lực này đã khiến cho kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016 – 2018 đạt được một số kết quả tích cực trong việc cải thiện môi trường kinh doanh trên cả hai phương diện ban hành và thực thi chính sách.

- Ở góc độ ban hành chính sách việc cải cách môi trường kinh doanh đã đạt được một số kết quả như sau:

Một là, các chính sách ban hành theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

Năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020. Một trong những nội dung quan trọng của Nghị quyết 19 đã đề ra các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh đạt tối thiểu bằng trung bình của nhóm nước ASEAN 4 và tạo lập hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp, tự do sáng tạo cho doanh nghiệp khởi nghiệp.

Cùng với Nghị quyết 19, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 35/2016/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, đây là lần đầu tiên Chính phủ có riêng một nghị quyết về phát triển doanh nghiệp ở Việt Nam, với mục tiêu đến năm 2020, cả nước có trên 1 triệu doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả. Nội dung của nghị quyết 35 đã thể hiện sự thay đổi trong tư duy về quản lý của nhà nước, chuyển từ nhà nước quản lý điều hành sang nhà nước có tinh thần doanh nhân coi trọng doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp là đối tượng phục vụ. Cũng trong năm 2016, để tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho doanh nghiệp phát triển, Chính phủ cũng đã ban hành 49 nghị định về điều kiện kinh doanh và cắt giảm 3.500 điều kiện kinh doanh ban hành chưa đúng thẩm quyền (Nguyễn Hoài, 2016).

Hai là, các chỉ số đánh giá môi trường kinh doanh đã được điều chỉnh để phù hợp với các chỉ số của quốc tế.

Bước sang năm 2017, Nghị quyết số 19 tiếp tục được ban hành vào ngày 6-5-2017.

Điểm mới của Nghị quyết 19 năm 2017 so với Nghị quyết 19 năm 2016 là bên cạnh các mục tiêu về cải thiện môi trường kinh doanh theo Doing Business, Chính phủ cũng đã đặt mục tiêu cải thiện một số chỉ số khác để đánh giá môi trường kinh doanh gồm: chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của Diễn đàn Kinh tế thế giới, chỉ số đổi mới sáng tạo theo đánh giá của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới - WIPO, chỉ số về thực hiện Chính phủ điện tử theo cách tiếp cận của Liên hợp quốc. Trên cơ sở đó, công tác thi hành luật được coi trọng, chính phủ đã phân công nhiệm vụ cho từng bộ, ngành nhằm cải thiện các tiêu chí xếp hạng của các chỉ số đánh giá này.

Ba là, các chính sách hướng đến việc ưu tiên cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Để bảo đảm quyền kinh doanh, bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội của các doanh nghiệp, cũng trong năm 2017, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được ban hành. Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 đã có nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển như: các doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp, doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính về thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế và kế toán. Không những thế doanh nghiệp nhỏ và vừa còn được hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, công nghệ, mở rộng thị trường, hỗ trợ về phát triển nguồn nhân lực cũng như về thông tin, tư vấn pháp lý.

Với tư duy của Chính phủ có tinh thần doanh nhân, kiến tạo để phục vụ doanh nghiệp phát triển, môi trường kinh doanh tiếp tục được đổi mới theo hướng dỡ bỏ các rào cản gia nhập thị trường của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện quyền kinh doanh. Đến hết năm 2018, Chính phủ đã ban hành và trình Quốc hội ban hành 28 văn bản quy phạm pháp luật để chính thức cắt giảm 3.346/6.191 điều kiện kinh doanh (đạt 108,1%, vượt 8,1%

so với mục tiêu đề ra). Chính phủ, các bộ, ban ngành đã ban hành 21 văn bản quy phạm pháp luật để cắt giảm 6.776/9.926 dòng hàng phải kiểm tra chuyên ngành (đạt 136,5%, vượt 36,5% so với mục tiêu đề ra) (Hà Chính, 2018).

- Ở phương diện thực thi chính sách, việc cải cách môi trường kinh doanh đã đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể:

Một là, việc cắt giảm các điều kiện kinh doanh giúp tiết kiệm được thời gian và chi phí cho Nhà nước.

Trên góc độ thực thi chính sách, theo số liệu từ các bộ, ngành với số liệu cắt giảm điều kiện kinh doanh và danh mục sản phẩm hàng hóa kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của 8 bộ cho thấy, đã giúp tiết kiệm gần 17,5 triệu ngày công/năm và 6.279,2 tỷ đồng mỗi năm.

Hai là, những chính sách của trung ương đã có sự lan tỏa tích cực đến địa phương.

Trên cơ sở các đường lối chính sách của trung ương, các địa phương đã tìm ra cho mình những hướng đi riêng để cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh. Các tỉnh như Quảng Ninh, Đồng Tháp, thành phố Hồ Chí Minh... đã có những sáng kiến, giải pháp riêng để thúc đẩy môi trường kinh doanh thuận lợi, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Các sáng kiến của các địa phương như: điều tra, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành (Quảng Ninh); cà phê doanh nhân (Đồng Tháp); đối thoại doanh nghiệp; áp dụng lồng ghép thủ tục (thành phố Hồ Chí Minh)... là những điển hình hay, đang được nhân rộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Theo kết quả xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2018 của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), năm 2018, điểm số PCI đạt cao nhất trong 14 năm điều tra. Đó là sự thay đổi tích cực về chất lượng quản lý và điều hành của các địa phương. Điểm tích cực của PCI năm 2018, là chi phí không

chính thức giảm, đặc biệt là tham nhũng đã giảm rõ so với thời kỳ trước. Mức độ lạc quan và niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp vào môi trường kinh doanh được duy trì ở mức tương đối cao, có 49,3% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết sẽ mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong đó, Quảng Ninh là một điển hình tốt với nhiều sáng kiến cải cách, gắn việc cải thiện môi trường kinh doanh theo yêu cầu của Nghị quyết 19 bằng việc nâng cao chất lượng quản lý, điều hành, nhờ vậy Quảng Ninh vươn lên vị trí đứng đầu bảng xếp hạng PCI năm 2018 với 70,36 điểm trên thang điểm 100 (Phạm Anh, 2019).

Ba là, việc cải thiện môi trường kinh doanh đã hướng đến sự minh bạch trong các hoạt động hành chính và đề cao trách nhiệm giải trình.

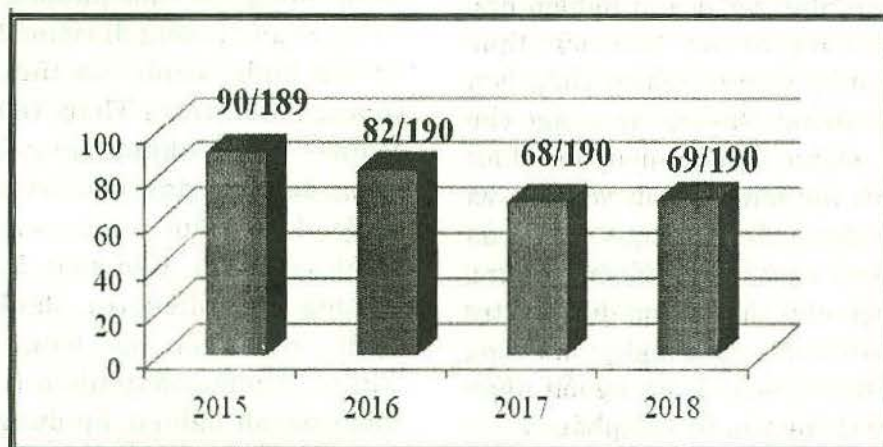
Chỉ số PAPI (chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh) năm 2018 của Việt Nam đã có nhiều cải thiện trong 6 nội

dung gốc, đặc biệt ở chỉ số về minh bạch, trách nhiệm giải trình. Người dân đã hài lòng hơn với hầu hết các dịch vụ công căn bản và ghi nhận sự tương tác nhiều hơn giữa các cấp chính quyền cơ sở và người dân (Thời báo Tài chính Việt Nam Online, 2019).

Bốn là, môi trường kinh doanh của Việt Nam đã có sự cải thiện về vị trí xếp hạng.

Với những nỗ lực ban hành và thực thi chính sách, môi trường kinh doanh của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2018 đã có những cải thiện đáng kể về vị trí. Theo bảng xếp hạng môi trường kinh doanh (Doing Business 2018) của World Bank, năm 2017, Việt Nam vươn lên vị trí 68/190 nền kinh tế, tăng 14 bậc so với năm 2016 (82/190). Năm 2018, tuy thứ hạng chung giảm 1 bậc (69/190) so với 2017 (68/190), nhưng 6/10 chỉ số của Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể thể hiện qua việc tăng điểm số, 3 chỉ số giữ nguyên điểm số và chỉ duy nhất 1 chỉ số (giải quyết phá sản doanh nghiệp) giảm điểm (hình 1).

HÌNH 1: Thứ hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2018



Nguồn: Doing Business 2014-2018, Bộ Kế hoạch và đầu tư — Báo cáo số 8450 /BC-BKHĐT 5 năm triển khai Nghị quyết 19 về môi trường kinh doanh: kết quả, vấn đề và bài học kinh nghiệm, tr 5.

Năm là, những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh của Chính phủ đã khiến cho tinh thần khởi nghiệp của các doanh nghiệp lên cao.

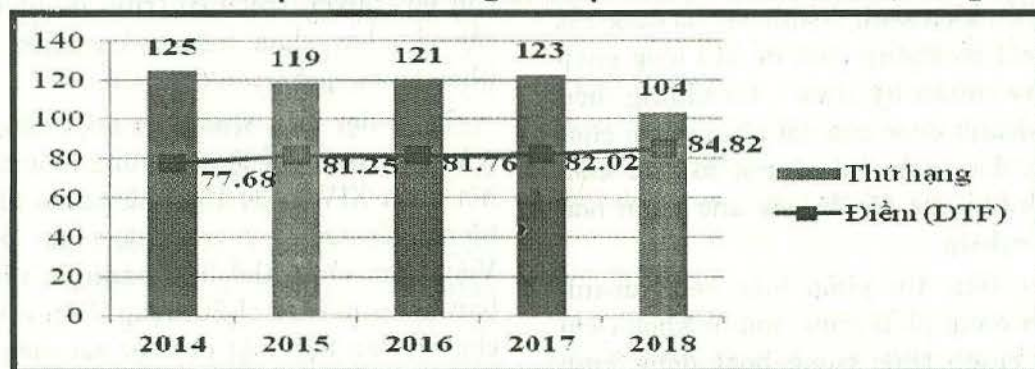
Nếu như năm 2016, cả nước có hơn 110 nghìn doanh nghiệp được thành lập, thì năm 2017 đã tăng lên hơn 126 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, năm 2018 đạt mức cao nhất là

131 nghìn 275 doanh nghiệp (Lý Hoàng Mai, 2019). Khu vực kinh tế tư nhân đã được củng cố niềm tin đối với Nhà nước, đầu tư của khu vực tư nhân năm 2018 tăng 18,5% so với năm 2017 (chiếm tới 43,3 % tổng đầu tư xã hội). Nếu tính theo giá hiện hành, đầu tư tư nhân đạt khoảng 1.856,6 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2017 và bằng 33,5% GDP. Trong

khi đó, khu vực nhà nước chỉ đạt 619,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 33,3% tổng vốn và tăng 3,9% so với năm 2017, khu vực FDI đạt 434,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,4% và tăng 9,6% so với năm

2017. Trong các chỉ số môi trường kinh doanh, chỉ số khởi sự kinh doanh của Việt Nam là chỉ số tăng tương đối cao, tăng 21 bậc trong 5 năm từ năm 2014 – 2018 (hình 2).

HÌNH 2: Chỉ số khởi sự kinh doanh giai đoạn 2014 – 2018 (5 năm tăng 21 bậc)



Nguồn: Doing Business 2014-2018.

Điều này chứng tỏ những chủ trương, chính sách của Chính phủ coi doanh nghiệp là chủ thể quan trọng của nền kinh tế, cải cách môi trường kinh doanh để phục vụ doanh nghiệp là hướng đi đúng và kịp thời.

3. Những tồn tại hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế

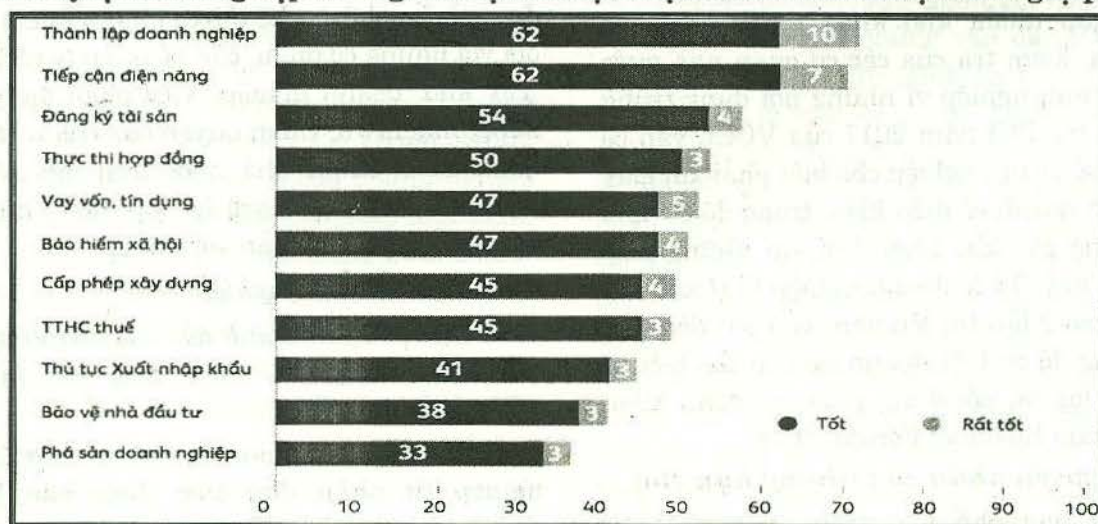
3.1. Những tồn tại hạn chế

Giai đoạn 2016 – 2018, mặc dù môi trường kinh doanh đã nhiều cải thiện, đặc biệt trong việc hỗ trợ phục vụ doanh nghiệp, tuy nhiên môi trường kinh doanh vẫn còn nhiều hạn chế, cụ thể:

Thứ nhất, các chính sách ban hành ra chưa đáp ứng được hết các yêu cầu của thực tiễn, chưa được như kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp.

Khảo sát của VCCI (2018) đối với 10.000 doanh nghiệp, trong 11 tiêu chí về cải thiện môi trường kinh doanh, chỉ có 2 tiêu chí được đánh giá tốt nhất đạt thang điểm 10 và 7, là tiêu chí thành lập doanh nghiệp và tiếp cận điện năng, còn các tiêu chí khác mức độ cải thiện chậm và thấp hơn kỳ vọng của doanh nghiệp (dưới 50%) (hình 3).

HÌNH 3: Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá có sự cải thiện hoặc rất tốt các lĩnh vực của Nghị quyết 19



Nguồn: VCCI (2018).

Không những thế, chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh chưa đạt yêu cầu cắt giảm lên đến 50% (Bộ Kế hoạch và đầu tư, 2018). Một số điều kiện kinh doanh cắt giảm nhưng đem lại “hiệu quả ngược” cho doanh nghiệp, chẳng hạn như: điều kiện kinh doanh tuy đã được cắt bỏ nhưng cắt bỏ không triệt để khi lồng ghép vào các quy chuẩn kỹ thuật. Có những điều kiện kinh doanh được sửa đổi nhưng bản chất không thay đổi, thậm chí có một số điều kiện kinh doanh khi sửa đổi đã gây khó khăn hơn cho doanh nghiệp.

Thứ hai, thực thi pháp luật kém, doanh nghiệp vẫn đang phải chịu những khoản chi phí không chính thức trong hoạt động kinh doanh.

Báo cáo điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa do nhóm nghiên cứu gồm Viện Nghiên cứu kinh tế phát triển thế giới, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (CIEM), Đại học Copenhagen và Viện Khoa học lao động và xã hội thực hiện năm 2018 cho thấy, trong số hơn 2.600 doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam tham gia khảo sát, có tới 83% số doanh nghiệp được điều tra cho biết họ gặp trở ngại trong kinh doanh, có hơn 42% thừa nhận họ đã phải chi những khoản không chính thức để có thể có được hoạt động kinh doanh dễ dàng hơn và hai phần ba trong số đó cho biết tần suất chi từ 2 - 5 lần mỗi năm (Trần Ngọc, 2019).

Doanh nghiệp vẫn phải xin các giấy phép con và gặp nhiều khó khăn trong công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp vì những nội dung trùng lặp. Điều tra PCI năm 2017 của VCCI, vẫn có đến 58% số doanh nghiệp cho biết phải xin giấy phép kinh doanh có điều kiện, trong đó có 42% cho biết họ gặp khó khăn khi xin những giấy phép loại này. Tỷ lệ doanh nghiệp bị thanh tra và kiểm tra 2 lần trở lên/năm vẫn lên đến gần 40%, trong đó có 13% doanh nghiệp cho biết có sự trùng lặp về nội dung giữa các đoàn kiểm tra (Vietnam Business Forum, 2018).

3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ những yếu kém trong quản lý bộ máy nhà

nước và xuất phát từ chính những hạn chế của bản thân doanh nghiệp.

- Về phía Nhà nước:

Ở góc độ ban hành chính sách, thiếu những cán bộ chuyên trách có trình độ pháp lý cao, các văn bản dưới luật chồng chéo, gây khó khăn trong quá trình thực thi.

Tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách còn thấp (tỷ lệ này trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV là 34,15%), do thiếu những cán bộ chuyên trách có trình độ pháp lý cao nên Việt Nam chưa thể ban hành ra những văn bản pháp luật có chất lượng. Bên cạnh đó, để cho các văn bản luật đi được vào cuộc sống thì ở khâu ban hành những văn bản dưới luật cần phải được quy định chặt chẽ, rõ ràng, mạch lạc để doanh nghiệp có thể hiểu được và chấp hành các quy định, tuy nhiên các văn bản dưới luật của Việt Nam thì chồng chéo, gây khó khăn trong quá trình thực thi. Thiếu những quy định cụ thể về thời gian khi ban hành các văn bản dưới luật để luật được thực thi trong cuộc sống, nhiều luật đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa thể đi vào cuộc sống do còn chờ văn bản hướng dẫn thực thi.

Ở góc độ thực thi chính sách, vẫn thiếu những cơ chế giám sát hiệu quả

Việt Nam chưa có những cơ chế giám sát hiệu quả để luật và các văn bản dưới luật được thực thi một cách nghiêm minh. Hiện nay, đang thiếu những chế tài xử phạt nghiêm minh đối với những cơ quan, cán bộ quản lý nhà nước “gây khó” doanh nghiệp. Việc phân định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của của một số cơ quan hành chính nhà nước trên một số lĩnh vực chưa rõ ràng, mạch lạc gây nên những sự chồng chéo, mâu thuẫn với nhau.

- Về phía doanh nghiệp:

Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam thấp kéo theo năng lực thực thi pháp lý kém.

Kể từ thời điểm năm 1990 khi Luật Doanh nghiệp tư nhân đầu tiên được ban hành, doanh nghiệp Việt Nam đã có 19 năm hình thành và phát triển, trong bối cảnh Việt Nam

đã tham gia Việt Nam đã tham gia hai FTA thế hệ mới quan trọng là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa “lớn” để đáp ứng được yêu cầu của hội nhập, doanh nghiệp Việt quy mô nhỏ bé, trình độ khoa học công nghệ lạc hậu và năng lực thông tin hạn chế. Những điều này đã ảnh hưởng đến năng lực thực thi pháp lý của doanh nghiệp.

Điều tra PCI năm 2017 của VCCI, có trên 50% doanh nghiệp có ít hơn 10 lao động (Nguyễn Khánh, 2018). Bên cạnh đó, có một điều đáng lo ngại là doanh nghiệp siêu nhỏ đang chiếm đa số trong tổng số các doanh nghiệp Việt Nam. Số liệu của Tổng cục Thống kê công bố năm 2018, trong số hơn 500.000 doanh nghiệp tư nhân trong nước, thì doanh nghiệp vừa có gần 8,5 nghìn doanh nghiệp (1,6%), doanh nghiệp nhỏ là 114,1 nghìn doanh nghiệp (22%) và doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm nhiều nhất lên đến 385,3 nghìn doanh nghiệp (74,4%) (Nguyễn Anh, 2018).

Theo Báo cáo triển vọng phát triển Châu Á của Ngân hàng Phát triển Châu Á, hiện nay mới chỉ có 21% các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu so với 30% của Thái Lan và 46% của Malaixia. Chi phí đầu tư cho khoa học và công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam hiện chỉ chiếm từ 0,2 đến 0,3% tổng doanh thu, rất thấp so với các nước phát triển và có tới gần 60% doanh nghiệp đang sử dụng các công nghệ có tuổi đời trên sáu năm (Nhật Minh, 2019). Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp yếu kéo theo năng lực thực thi pháp luật kém, nhiều doanh nghiệp gian lận trong kinh doanh và làm ăn theo kiểu cò con, không có tư duy hội nhập, không có những hoài bão lớn trong kinh doanh, chạy theo cái lợi trước mắt mà không có ý định tạo dựng một sự nghiệp lâu dài, bền vững.

Năng lực thông tin hạn chế nên các doanh nghiệp chưa “chuẩn hóa” được theo các thông lệ quốc tế.

Có một thực tế đáng buồn là ngay cả những doanh nghiệp xuất nhập khẩu là đối tượng chịu tác động trực tiếp của CPTPP và EVFTA khi khảo sát với 225 doanh nghiệp có tới 49% trả lời không biết hoặc chỉ hiểu rất ít về các FTA thế hệ mới. Chỉ có 20 doanh nghiệp biết rõ về các FTA, còn chủ yếu là biết một ít (103 doanh nghiệp) hoặc ở mức trung bình (88 doanh nghiệp). Về vấn đề vận dụng các FTA vào hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, có hơn 200 doanh nghiệp biết về các FTA thế hệ mới, nhưng chỉ có 124 doanh nghiệp là có vận dụng các FTA này. Nguyên nhân được các doanh nghiệp phản ánh cho việc không vận dụng các FTA thế hệ mới cũng rất đa dạng: doanh nghiệp thiếu thông tin, cho là không cần thiết, cho rằng khối lượng giao dịch nhỏ nên không cần, trong đó có nhiều doanh nghiệp nêu ra lý do là đối tác không yêu cầu (Thế Vinh, 2019).

3. Bối cảnh mới và những khuyến nghị cho Việt Nam

Trong bối cảnh mới khi Việt Nam đã tham gia hai FTA thế hệ mới quan trọng là CPTPP và EVFTA, cơ hội và thách thức sẽ song hành cùng với các doanh nghiệp. Hai FTA thế hệ mới có những yêu cầu cao về cải cách môi trường kinh doanh và năng lực thực thi luật, đây là hai hiệp định toàn diện, chất lượng cao và tiến bộ nhất so với các FTA mà Việt Nam đã tham gia.

- *Đối với CPTPP*, khi tham gia CPTPP, Việt Nam phải cam kết những vấn đề về lao động, môi trường, thông tin, minh bạch, quyền xử lý tranh chấp ở mức cao, cạnh tranh, mua sắm chính phủ, đấu thầu, thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ... Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay cho khoảng 78 - 95% dòng thuế đối với hàng hóa thông thường, lộ trình xóa bỏ thuế là 5 - 10 năm, đến cuối lộ trình giảm thuế, sẽ xóa bỏ đến 98 - 100% số dòng thuế. Đây là mức cam kết cao nhất mà Việt Nam nhận được từ các FTA đã ký kết. Khi tham gia CPTPP, Việt Nam dự kiến đạt được lợi ích từ xuất khẩu với tổng mức tăng thêm về kim ngạch xuất khẩu khoảng 4% (tương đương 4,09 tỷ USD). Tổng kim ngạch nhập khẩu cũng sẽ tăng thêm ở mức 3,8 - 4,6%

(tương đương 4,93 tỷ USD). CPTPP sẽ giúp GDP của Việt Nam tăng thêm 1,32%, tương đương với 1,7 tỷ USD, tác động này có thể sẽ lớn hơn nếu Việt Nam thực hiện đồng thời cắt giảm thuế quan và tự do hóa dịch vụ theo kịch bản mở cửa dịch vụ (2,01%) (Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội Quốc gia, 2018).

- *Đối với EVFTA*, (FTA đầu tiên của EU với một quốc gia đang phát triển tại Châu Á)¹, trong lĩnh vực thương mại hàng hóa gần như 100% biểu thuế và kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn (tối đa là 7 năm). EVFTA mang lại việc xóa bỏ hàng rào quan thuế ở mức cao nhất và lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp Việt Nam, ngành hàng sản phẩm Việt Nam. Bên cạnh đó Việt Nam cũng phải cam kết thực thi những cam kết về dịch vụ - đầu tư, mua sắm chính phủ cũng như những quy định cụ thể về mở cửa thị trường và biện pháp kỹ thuật trong một số lĩnh vực. Việt Nam phải nỗ lực thực thi những cam kết về quản trị nhà nước, về đảm bảo một môi trường kinh doanh và pháp lý ổn định, thông thoáng cho nhà đầu tư của cả hai bên nói chung và các doanh nghiệp, nhà đầu tư từ EU nói riêng.

Thực thi cam kết thành công, các doanh nghiệp Việt sẽ nâng cao được năng lực cạnh tranh ở mức tối ưu, mở rộng thị trường xuất khẩu ở các nước Châu Âu và sẽ có điều kiện hình thành các chuỗi giá trị. Các chuyên gia kinh tế dự báo, khi EVFTA đi vào thực thi từ năm 2020, xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ tăng 20% và đến giai đoạn 2025-2030, tốc độ tăng sẽ lớn hơn từ 70-80%. Mức tăng trưởng xuất khẩu được dự kiến sẽ tăng từ 4-6%, các ngành kinh tế sẽ tăng thêm 19 tỷ USD vào năm 2019 và đến năm 2025 sẽ tăng lên 70 tỷ USD (Bộ Công thương, 2019).

Có thể thấy những cơ hội mà CPTPP và EVFTA mang lại là rất lớn nếu Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam có đủ năng lực để đón bắt những cơ hội này. Để đón bắt được cơ hội, đòi hỏi hai chủ thể quan trọng nhất của nền kinh tế là Chính phủ và doanh nghiệp cần phải tiếp tục cải cách để “lớn lên”, cụ thể:

- *Đối với doanh nghiệp:*

+ Để gỡ bỏ rào cản quy mô nhỏ bé, chiếm đa phần là các doanh nghiệp siêu nhỏ, các doanh nghiệp cần liên kết, sáp nhập hoặc mở rộng quy mô sản xuất, gia tăng số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để trở thành những tập đoàn lớn có đủ nguồn lực trụ vững trong một nền kinh tế hội nhập và cạnh tranh gay gắt.

+ Đối với rào cản năng lực khoa học và công nghệ hạn chế, mỗi doanh nghiệp cần đổi mới tư duy kinh doanh, không nên làm ăn chộp giật và chỉ nghĩ đến lợi ích trước mắt. Nên có một “tầm nhìn vươn tầm ra thế giới” bằng cách ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, coi khoa học và công nghệ là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững. Doanh nghiệp cần xây dựng chuỗi liên kết về khoa học và công nghệ giữa các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài để phát triển. Dành một phần lớn trong tổng doanh thu để đổi mới dây chuyền sản xuất và triển khai các hoạt động R&D.

+ Doanh nghiệp cần tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi kinh doanh, thực hiện đúng các thủ tục tài chính, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, quản trị nội bộ. Các doanh nghiệp nên tự ý thức xây dựng cho mình đạo đức nghề nghiệp, văn hóa kinh doanh, tuân thủ các quy định của pháp luật, có tư duy vươn tầm ra thế giới và đóng góp cho xã hội công bằng và chính đáng.

+ Để nâng cao năng lực thông tin, các doanh nghiệp cần đổi mới tư duy kinh doanh thích nghi với bối cảnh mới. Chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin và linh hoạt trong việc tiếp cận, tận dụng cơ hội. Doanh nghiệp Việt cần “tự mình nâng mình lên” bằng cách tự trang bị cho mình những tri thức cần thiết về thị trường thế giới, kết nối với mạng phân phối toàn cầu và học cách nâng cao năng lực thông qua những thực thi của CPTPP và EVFTA.

1. Hiện tại EU chỉ có thêm 2 FTA khác với khu vực Châu Á là Hiệp định Thương mại và đầu tư với Xingapo (đã ký kết, đang chờ ký và phê chuẩn), Hiệp định Đối tác Kinh tế với Nhật Bản (đã phê chuẩn, dự kiến có hiệu lực đầu tháng 2-2019).

- Đối với Chính phủ:

+ Chính Phủ cần tiếp tục cải cách mạnh mẽ môi trường kinh doanh theo hướng đồng hành, tạo ra những lợi ích để chia sẻ với cộng đồng doanh nghiệp. Đưa doanh nghiệp vươn tầm ra thế giới bằng những thể chế ưu tiên, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

+ Xây dựng thể chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc nâng cao năng lực tài chính, tiếp cận với các thông tin về CPTPP và EVFTA trên cả hai phương diện cơ hội và thách thức. Trong đó chú trọng đến thể chế hỗ trợ doanh nghiệp trong việc nắm bắt cơ hội do CPTPP và EVFTA mang lại.

+ Trên góc độ thực thi luật, cần xây dựng một Chính phủ liêm chính, hành động và minh bạch. Thiết lập những chế tài xử phạt nghiêm minh đối với những hành vi “những nhiễu” doanh nghiệp, có cơ chế kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế khen thưởng và nêu gương đối với những bộ, ban ngành, địa phương thực hiện tốt thủ tục hành chính một cửa, cắt giảm nhanh các điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công thương (2019), *100% hàng Việt Nam sang EU sẽ được cắt giảm thuế trong lộ trình gần*, <https://moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/100-hang-viet-nam-sang-eu-se-%C4%91uoc-cat-giam-thue-trong-lo-trinh-ngan-15804-801.html>.
2. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2018), *Báo cáo số 8450/BC-BKHĐT năm năm triển khai Nghị quyết 19 về môi trường kinh doanh: Kết quả, vấn đề và bài học kinh nghiệm*.
3. Campbell, Stonehouse, and Houston (2002), *Business Strategy: An Introduction*, 2nd ed., NY: Butterworth-Heinemann.
4. Hambrick D.C and Lei D (1985), Toward an empirical prioritization of contingency variables for business strategy, *Academy of Management Journal*, 28(4), 763 - 788.
5. Hà Chính (2018), *Văn phòng Chính phủ - những tâm huyết và dấu ấn cải cách 2018*, Văn phòng Chính phủ <http://vpcp.chinhphu.vn/Home/Van-phong-Chinh-phu--nhun-g-tam-huyet-va-dau-an-cai-cach-2018/201812/25195.vgp>.
6. Hồng Anh (2019), Tăng khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, *Nhân dân điện tử* - <https://www.nhandan.com.vn/kinhte/item/39935002-tang-kha-nang-tiep-can-von-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua.html>.
7. Kennerley M, Neely A (2003), Measuring performance in a changing business environment, *International Journal of Opetations & Production*

Management, 23(2), 213 - 229, *What determines firm size?*, No. w7208, National Bureau of Economic Research.

8. Lý Hoàng Mai (2019), Kinh tế Việt Nam năm 2018: Bức tranh có những điểm sáng, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, tháng 2-2019.

9. Nguyễn Khánh (2018), Chủ tịch VCCI: Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lại đang nhỏ đi, *Báo Dân trí điện tử* - <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/chu-tich-vcci-doanh-nghiep-tu-nhan-viet-nam-lai-dang-nho-di-20180322093626297.htm>.

10. Nhân dân điện tử (2016), *Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tuyên thệ nhậm chức*- <https://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/30237202-thu-tuong-chinh-phu-nguyen-xuan-phuc-tuyen-the-nham-chuc.html>.

11. Nguyễn Hoài (2016), *Thủ tướng yêu cầu không đưa 3.500 giấy phép con vào nghị định*, *Vnexpress* - <https://vnexpress.net/kinh-doanh/thu-tuong-yeu-cau-khong-dua-3-500-giay-phep-con-va-0-nghi-dinh-3425000.html>

12. Nguyễn Đức Thành, Tô Trung Thành, Phạm Thị Hương, Hoàng Thị Chinh Thon, Phạm Thị Thủy (2009), *Báo cáo tổng quan những nghiên cứu về môi trường kinh doanh tại Việt Nam*, Trung tâm Nghiên cứu kinh tế và chính sách, Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

13. Phạm Anh (2019), Quảng Ninh dẫn đầu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI 2018, *Tiền phong điện tử* - <https://www.tienphong.vn/kinh-te/quang-ninh-dan-dau-chi-so-nang-luc-can-hanh-cap-tinh-pci-2018-1394501.tpo>.

14. Porter, Michael (2008), *Cạnh tranh toàn cầu và lợi thế của Việt Nam*, Bài phát biểu tại Hội thảo quốc tế “Cạnh tranh toàn cầu và lợi thế Việt Nam” tổ chức ở thành phố Hồ Chí Minh ngày 1-12-2008.

15. Robin Wood (2000), *Managing Complexity: Managing Complexity: How Businesses Can Adapt and Prosper in the Connected Economy*, Economist Books.

16. Jauch, L. R and W.F. Glueck (1988), *Strategic Management and Business Policy*, 3rd ed., NY: McGraw-Hill.

17. Thời báo Tài chính Việt Nam online (2019), *Khảo sát chỉ số PAPI 2018: cải thiện rõ rệt về hiệu quả quản trị và hành chính công* - <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/nhip-song-tai-chinh/2019-04-05/khao-sat-chi-so-papi-2018-cai-thien-ro-ret-ve-hieu-qua-quan-tri-va-hanh-chinh-cong-69774.aspx>.

18. Thế Vinh (2019), Cảnh báo doanh nghiệp chậm hiểu FTA thế hệ mới, *Tạp chí Tài chính*-<http://tapchitai chinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/canh-bao-doanh-nghiep-cha-m-hieu-fta-the-he-moi-301925.html>

19. Trần Ngọc (2019), Vì sao các doanh nghiệp nhỏ và vừa lại chậm lớn, *Tạp chí Tài chính*, <http://tapchitai chinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/vi-sao-cac-doanh-nghiep-nho-va-vua-lai-cham-lon-305739.html>

20. Vietnam Business Forum (2018), *Thực hiện nghị quyết 19 và 35: Cải thiện còn chậm và chưa đồng đều*-<http://vccinews.vn/news/21144/thuc-hien-nghi-quyet-19-va-35-cai-thien-con-cham-va-chua-dong-deu.html>

Ngày nhận bài: 19-7-2019

Ngày nhận bản sửa: 8-8-2019

Ngày duyệt đăng: 20-8-2019